

Bản án số: 169/2018/DS-PT  
Ngày 16-11-2018  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Lực.

Ông Nguyễn Văn Giới.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 453/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 197/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phương Thị N**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phương Thị N:* Ông **Diệp Minh T** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà **Phạm Thị Ngọc A**, sinh năm 1943 (vắng mặt).

2. Ông **Phương Văn Đ**, sinh năm 1937 (chết ngày 19/11/2015).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phương Văn Đ:*

1. Bà **Phạm Thị Ngọc A**, sinh năm 1943 (vắng mặt).

2. Bà **Phương Đan P**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

3. Ông **Châu Văn T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

4. Bà **Phương Thị Hồng N**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

5. Ông **Phương Huệ T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

6. Bà **Phương Thị Hồng H**, sinh năm 1981 (có mặt).
  7. Bà **Phương Thị Thanh L**, sinh năm 1968 (vắng mặt).
  8. Ông **Phương Hoàng T**, sinh năm 1996 (vắng mặt).
  9. Anh **Phương Hoàng M**, sinh năm 2004 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phương Thị Hồng H**, sinh năm 1981 (có mặt).
  2. Ông **Châu Văn T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).
  3. Bà **Phương Thị Hồng N**, sinh năm 1978 (vắng mặt).
  4. Ông **Phương Huệ T**, sinh năm 1975 (vắng mặt).
  5. Bà **Phương Đan P**, sinh năm 1972 (vắng mặt).
  6. Bà **Phương Thị Thanh L**, sinh năm 1968 (vắng mặt).
  7. Ông **Phương Hoàng T**, sinh năm 1996 (vắng mặt).
  8. Anh **Phương Hoàng M**, sinh năm 2004 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9. Bà **Phương Thị N1**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phương Thị N:* Ông **Trần Minh N** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

10. Ông **Phương Đình D**, sinh năm 1983 (vắng mặt).
  11. Bà **Phương Thị Thái H**, sinh năm 1984 (vắng mặt).
  12. Ông **Phương Phát N**, sinh năm 1987 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
13. Ông **Phương Để C**, sinh năm 1940 (chết ngày 08/02/2015).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phương Để C:*

1. Bà **Huỳnh Mỹ N**, sinh năm 1942 (vắng mặt).
  2. Bà **Phương Hồng X**, sinh năm 1980 (vắng mặt).
  3. Bà **Phương Hồng N**, sinh năm 1981 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
14. Bà **Phương Thị L**, sinh năm 1941 (vắng mặt).
  15. Ông **Phương Văn H**, sinh năm 1974 (có mặt).
  16. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974 (có mặt).
  17. Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1970 (vắng mặt).
  18. Ông **Phương Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1994 (có mặt).
  19. Bà **Phương Nguyễn Bảo T**, sinh năm 1995 (vắng mặt).
  20. Ông **Phương Nguyễn Phước T**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

21. Ông **Phương Quang C**, sinh năm 1945 (chết ngày 09/12/1997).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phương Quang C:*

1. Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1953 (vắng mặt).
2. Bà **Phương Thị Mộng T**, sinh năm 1972 (vắng mặt).
3. Bà **Phương Thị Cẩm H**, sinh năm 1974 (vắng mặt).
4. Bà **Phương Thị Cẩm L**, sinh năm 1976 (vắng mặt).
5. Ông **Phương Hồ Tuyết D**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

6. Ông **Phương Hồ Nhựt L**, sinh năm 1980 (vắng mặt).  
Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.  
22. Ông **Dương H**, sinh năm 1969 (chết).  
23. Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1946 (chết).  
24. Bà **Dương Thị Q**, sinh năm 1961 (vắng mặt).  
Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Phương Thị N là nguyên đơn và bà Phương Thị N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2008, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 12 năm 2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phương Thị N trình bày: Năm 1969 cha mẹ của bà là ông Phương Văn Đ và bà Huỳnh Thị N có chuyển nhượng diện tích đất 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh của ông Nguyễn Văn T, việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay nhưng không có ghi ngày tháng năm. Sau khi chuyển nhượng đất ông Đ và bà N cất nhà ở và bà sống chung với cha mẹ. Đến năm 1970 ông Đ chết, năm 2007 bà N chết bà tiếp tục ở trên đất cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đất thì bà có kê khai đăng ký đất, đến ngày 08/02/1995 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận tạm thời số 144 với diện tích đất thổ cư 300m<sup>2</sup>. Năm 2013 ông Phương Văn Đ và bà Phạm Thị Ngọc A xây dựng nhà lấn qua phần đất 300m<sup>2</sup> của bà. Nên bà yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 300m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của bà và yêu cầu bà A và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ tháo dỡ nhà trả diện tích đất ở hướng Tây 19.4m<sup>2</sup> cho bà.

Theo lời khai của bị đơn ông Phương Văn Đ và lời khai của bà Phương Thị Hồng H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phương Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay trình bày: Thửa đất số 860 có nguồn gốc của ông Dương L, sau đó ông Thất mượn đất của ông L. Năm 1968 ông Phương Văn Đ chỉ mua hoa lợi trên đất của ông Thất chứ không có chuyển nhượng đất. Năm 1991 bà Phạm Thị Ngọc A đứng ra kê khai đất, đến năm 1994 bà A chuyển nhượng diện tích đất 800m<sup>2</sup> của bà Dương Thị T là con của ông L với giá 2.500.000 đồng, có làm giấy tay. Đối với ranh đất, thì gia đình bà không có lấn ranh của bà N, vì ngày 12/12/1995 hai bên có cặm trụ ranh và sử dụng cho đến nay. Nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng bà đồng ý cho bà N ở trên đất tranh chấp đến hết đời bà N, nếu bà N di dời đi nơi khác ở, thì gia đình bà đồng ý hỗ trợ cho bà N tiền chi phí di dời 15.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Phương Thị N1 thì bà không đồng ý. Vì diện tích đất 300m<sup>2</sup> hiện nay ông Đ và bà A cất nhà bán tạp hóa là của gia đình bà.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A có lời trình bày và yêu cầu như bà Phương Thị

Hồng H.

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07 tháng 01 năm 2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phương Thị N1 trình bày: Năm 1969 cha mẹ của bà là ông Phương Văn D và bà Huỳnh Thị N có chuyển nhượng diện tích đất 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh của ông Nguyễn Văn T, việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay. Sau khi chuyển nhượng đất ông D và bà N cất nhà ở và bà về sống chung với cha mẹ. Đến năm 1970 ông D chết, năm 1994 bà không còn ở trên đất đi nơi khác sinh sống. Ngày 08/02/1995 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận tạm thời số 145 với diện tích đất thổ cư 300m<sup>2</sup>. Nên bà yêu cầu ông Đ và bà A phải di dời nhà trả đất và công nhận quyền sử dụng đất diện tích 300m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của bà (phần đất ông Đ và bà A cất nhà bán tạp hóa).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DSST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phương Thị N.

Công nhận cho hộ bà Phương Thị N được sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 300m<sup>2</sup> (thực đo 280.4m<sup>2</sup> có căn nhà bà N đang ở), thuộc một phần thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp quốc lộ 54, kích thước 9.44m.
  - Hướng Tây giáp thửa số 861, kích thước 8.05m.
  - Hướng Nam giáp phần 4, kích thước 31.45m.
  - Hướng Bắc giáp phần 1, phần 2, kích thước 27.88m; 4.24m.
- (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phương Thị N yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phương Văn Đ di dời nhà trả lại diện tích 19.4m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Phương Thị N1 về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phương Thị N1 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 300m<sup>2</sup> (phần ông Đ cất nhà bán tạp hóa) nằm trong tổng diện tích 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận tạm thời số 145 cấp ngày 08/02/1995.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 bà Phương Thị N1 kháng cáo, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 300m<sup>2</sup> (phần đất ông Đ và bà A cất nhà bán tạp

hóa) nằm trong tổng diện tích 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 bà Phương Thị N kháng cáo, yêu cầu bà A và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phương Văn Đ di dời nhà trả lại diện tích 19.4m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 800m<sup>2</sup>, thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn, trình bày trong quá trình sử dụng đất phía gia đình ông Đ và bà A đã cất nhà lấn qua đất của bà N ở hướng Tây sang hướng Đông diện tích 19.4m<sup>2</sup>, nên diện tích đất của bà N còn lại là 280.4m<sup>2</sup>. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.

- Nguyên đơn kháng cáo thống nhất với ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đã trình bày nêu trên.

- Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phương Thị N1, trình bày bà N1 sống chung với ông Đ và bà N từ năm 1969, đến năm 1994 bà N1 đi nơi khác sinh sống. Nhưng trong quá trình sử dụng đất, bà N1 có kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận tạm thời quyền sử dụng đất năm 1995. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phương Thị N1 kháng cáo thống nhất với ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bà đã trình bày nêu trên.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phương Văn Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phương Thị N1, đề nghị y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phương Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phương Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phương Thị N1 còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa hôm nay, bà N kháng cáo yêu cầu bà A và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ di dời nhà trả lại diện tích  $19.4\text{m}^2$  (từ hướng Tây sang hướng Đông) nằm trong tổng diện tích  $800\text{m}^2$ , thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà. Bà N1 kháng cáo yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích  $300\text{m}^2$  (phần đất ông Đ và bà A cất nhà bán tạp hóa ở hướng Nam) nằm trong tổng diện tích  $800\text{m}^2$ , thửa số 860, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà.

[3] Xét thấy, theo biên bản thẩm định, định giá tài sản số: 72/2016/BBĐG ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C và sơ đồ khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thì phần đất tranh chấp thực đo theo sự hướng dẫn chỉ ranh của các đương sự diện tích là  $891\text{m}^2$ . Diện tích tăng  $91\text{m}^2$  so với tài liệu đo đạc năm 1992 là do tài liệu đo đạc năm 1992 tính sai diện tích và sai số giữa hai tài liệu đo đạc. Được chia làm 04 phần: Phần 1 diện tích  $335.2\text{m}^2$  (không tranh chấp); Phần 2 diện tích  $19.4\text{m}^2$  (phần tranh chấp ranh giữa bà N với ông Đ và bà A); Phần 3 diện tích  $280.4\text{m}^2$  (phần tranh chấp giữa bà N với ông Đ và bà A); Phần 4 diện tích  $256\text{m}^2$  (phần tranh chấp giữa bà N1 với ông Đ và bà A) (bút lục số 589, 732 và từ bút lục số 598 đến bút lục số 603).

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, năm 1995 bà N với ông Đ có tranh chấp quyền sử dụng đất, đến ngày 12/12/1995 Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã M) hòa giải giữa các đương sự, thì ông Đ đồng ý chia cho bà N căn nhà bà N đang ở. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, thì bà N và ông Phương Văn H là con của bà N đều thừa nhận Ủy ban nhân dân xã có cắm trụ ranh, nhưng việc cắm trụ ranh để ổn định chứ không phải để xác định ranh và tại phiên tòa hôm nay bà N cũng thừa nhận Ủy ban nhân dân xã có cắm trụ ranh ở hướng Tây giáp ranh giữa nhà ông Đ với phần đất của bà được chia nhưng hiện nay trụ ranh không còn (bút lục số 222 và từ bút lục số 793 đến bút lục số 800). Mặt khác, tại sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 97/CNHCT ngày 05/10/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C, thì phần đất từ hướng Đông kéo sang hướng Tây diện tích tranh chấp  $19.4\text{m}^2$  được chiết từ thửa số 860 bên ông Đ và bà A (bút lục số 588, 589). Như vậy, có căn cứ khẳng định phần đất giáp ranh giữa bà N với ông Đ và bà A đã được cắm trụ ranh và các bên sử dụng ranh đúng vị trí đã được phân chia, nên yêu cầu của bà N là không có cơ sở để xem xét.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà N1 là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, theo bà N1 khai năm 1969 bà sống chung với cha mẹ của bà là ông Phương Văn D và bà Huỳnh Thị N, đến năm 1994 thì bà đi nơi khác sinh sống và ngày 08/02/1995 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận tạm thời quyền sử dụng đất số 145 với diện tích  $2.900\text{m}^2$ , trong đó đất trồng lúa diện tích  $2.600\text{m}^2$ , đất thổ cư diện tích  $300\text{m}^2$  (bút lục số 620). Xét thấy, trong quá trình

chung sống với ông D và bà Nhị, thì bà N1 không có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất qua các thời kỳ đối với diện tích đất tranh chấp 300m<sup>2</sup> thực đo 256m<sup>2</sup>, thửa số 860. Mặt khác, giấy chứng nhận tạm thời quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà N1 vào ngày 08/02/1995 với diện tích 2.900m<sup>2</sup> nhưng nội dung giấy chứng nhận không thể hiện số thửa, tờ bản đồ, vị trí và tứ cận của thửa đất nên không xác định được phần đất mà hiện nay đang tranh chấp có nằm trong phần đất được cấp theo giấy chứng nhận tạm thời hay không. Tại Công văn số: 2382/UBND-NC ngày 13/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C xác nhận, giấy chứng nhận tạm thời đã cấp cho hộ bà N1 số 145, ngày 08/02/1995 với diện tích 2.900m<sup>2</sup> không có ghi vị trí đất (số thửa, tờ bản đồ) nên không có cơ sở xác định được vị trí cụ thể (bút lục số 615). Tại phiên tòa hôm nay, bà N1 không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh diện tích đất tranh chấp 300m<sup>2</sup> thực đo 256m<sup>2</sup>, thửa số 860 là của gia đình bà N1, nên yêu cầu kháng cáo của bà N1 là không có cơ sở để xem xét.

[6] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Lời bào chữa của các vị Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho bà Phương Thị N và bà Phương Thị N1 không có cơ sở, nên không chấp nhận; Không chấp nhận kháng cáo của bà Phương Thị N và bà Phương Thị N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Bà N và bà N1 thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên trường hợp này được áp dụng tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà N và bà N1.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phương Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phương Thị N1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DSST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phương Thị N và bà Phương Thị N1.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Văn Hoàng Vân**